

ĐÀO TẠO VÀ TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI Ở THĂNG LONG THỜI TRẦN

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI*

Thăng Long - Kinh đô của nhiều triều đại, là trung tâm chính trị, hành chính, trung tâm giáo dục thi cử lớn nhất nước, cũng là nơi quy tụ nhân tài có một không hai của quốc gia.

Trọng dụng và đãi ngộ là bước sau của đào tạo nhân tài. Hay cụ thể hơn, thông qua đào tạo để tuyển chọn nhân tài. Và, như chúng ta đã biết, nhà Trần có nhiều cách đào tạo nhân tài. Đào tạo trong gia đình, dòng tộc; đào tạo thông qua hệ thống giáo dục Nho học và đào tạo bằng thực tế công việc, nhằm tạo nên đội ngũ quan lại nói chung, nhân tài nói riêng đủ năng lực và tài đức phục vụ đất nước.

1. Đào tạo nhân tài

Đào tạo trong gia đình, dòng tộc.

Chúng ta thấy, đội ngũ quý tộc nhà Trần là những người nổi tiếng tài giỏi. Tiếc thay, không có tư liệu nào cho biết họ được đào tạo như thế nào nhưng có điều chắc chắn rằng, họ được thừa hưởng một nền giáo dục trong gia đình, dòng tộc. Tư liệu trong sử cũ ghi chép rất ít về việc này nhưng le lói trong đó vẫn có những sự kiện tiêu biểu minh chứng cho việc triều đình

chọn những người đỗ đạt, có đạo đức cho vào hầu vua đọc sách. Sử chép: "Tháng 8 năm 1236, chọn nho sinh thi đỗ cho vào châu hầu (hầu vua - TG), sau thành định lệ" và "Tháng 12 năm Giáp Tuất (1274), chọn người Nho học trong nước người nào có đức hạnh sung vào hầu Đông cung" (1).

Mặt khác, một trong những cách thức mà nhà Trần thực hiện là cử các vương hầu tôn thất đi trấn trị ở các địa phương bằng chế độ phân phong thái ấp. Điều cần lưu ý là, chỉ các thành viên trong hoàng tộc (các vương hầu) và những người được ban quốc tính (họ vua) có tước vương, hầu mới được phong cấp thái ấp. Thái ấp là một vùng đất ở một địa phương cụ thể. Các vương hầu tôn thất điều hành công việc một cách toàn diện ở đó trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội. Quá trình cai quản ở địa phương, cũng là *biện pháp thực tế* để triều Trần rèn luyện các vương hầu tôn thất. Qua đó họ có cơ hội và điều kiện thể hiện tài năng và đức độ của mình. Mặc dù cho đến nay không có tư liệu nào cho biết cách thức học hành của họ thế nào nhưng trên thực tế họ đều nổi tiếng tài giỏi như Trần Thủ Độ (1194-1264), Trần Thái Tông (1218-1277), Trần

* PGS.TS. Viện Sử học

Thánh Tông (1240-1290), Trần Nhân Tông (1258 - 1308), Trần Tung (1230-1291), Trần Quốc Tuấn (? - 1300), Trần Quang Khải (1240 - 1294), Trần Nhật Duật (1254-1330), Trần Khánh Dư (? - 1339), Trần Quang Triều (1286-1325), Trần Khát Chân (? - 1399), Trần Nguyên Đán (1320-1390)... Tất nhiên, những người nổi nghiệp ngai vàng thì hiển nhiên là ở Kinh đô, không thấy các ông có thái ấp nào, còn các thành viên trong hoàng tộc thì một mặt ở thái ấp nhưng mặt khác vẫn có thời gian làm quan ở Thăng Long. Ai cũng biết Trần Quang Khải có thái ấp ở Độc Lập (nay thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam) và Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn có thái ấp ở Vạn Kiếp (Chí Linh, Hải Dương) nhưng chúng ta vẫn thấy các ông làm việc ở Thăng Long. Sự kiện sứ thần nước Nguyên là Sài Xuân cùng 5.000 quân (2) sang Thăng Long năm 1281 với thái độ ngạo mạn, tỏ ra coi thường nghi lễ Đại Việt. Nhưng nhờ sự tài giỏi của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn mà Sài Xuân phải thay đổi hẳn thái độ. Văn hóa ngoại giao của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn một lần nữa khẳng định ông không chỉ là thiên tài về quân sự mà còn thiên tài trong ngoại giao. Sử chép: Xuân kiêu ngạo vô lễ, cưỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh. Quân sĩ Thiên Trường ngăn lại, Xuân lấy roi ngựa đánh bị thương ở đầu. Khi đến viện Tập Hiền thấy chướng đầy màn trướng mới chịu xuống ngựa. Vua sai Quang Khải đến sứ quán tiếp đãi, Xuân nằm khểnh không chịu ra. Quang Khải đi thẳng vào trong phòng Xuân cũng không dậy. Hưng Đạo vương Quốc Tuấn nghe thấy việc ấy, tâu xin đến sứ quán xem Xuân làm gì. Bấy giờ Quốc Tuấn đã gọt tóc mặc áo vải, đi đến sứ quán vào trong phòng. Xuân đứng dậy vái chào mời ngồi, mọi người đều lấy làm lạ,

nhưng biết đầu gọt tóc mặc áo vải là về hòa thượng phương Bắc. Khi đã ngồi yên, pha trà mời uống, người hầu của Xuân cầm cái tên đứng đằng sau Quốc Tuấn, chọc vào đầu Quốc Tuấn chảy máu ra, sắc mặt Quốc Tuấn vẫn không thay đổi. Khi về Sài Xuân tiễn ra đến cửa (3).

Đào tạo thông qua hệ thống giáo dục Nho học

"Con đường tìm người tài giỏi, trước hết là khoa mục. Phạm muốn thu được người tài năng, tuấn kiệt vào trong phạm vi của mình, thì người làm vua một nước không thể nào không có khoa cử" (4).

Buổi đầu nhà Trần, hệ thống giáo dục bao gồm nhiều nội dung nhưng Nho học là chủ yếu, học Nho giáo và học chữ Nho. Học chữ Nho để đọc Kinh sách của Phật giáo và phục vụ cho các nghi lễ của Đạo giáo. Sự phát triển cực thịnh trở thành quốc giáo của Phật giáo từ thời Lý và sự tồn tại của Đạo giáo không chỉ được phản ánh trong sinh hoạt cộng đồng mà còn được phản ánh trong giáo dục khoa cử. Khoa thi đầu tiên của nhà Trần là khoa thi tam giáo (5).

Tuy nhiên, càng ngày triều đình càng chú trọng đến giáo dục Nho giáo. Nếu như khoa thi Tam giáo được tổ chức ngay sau khi triều Trần thành lập (1227), thì 5 năm sau (1232), khoa thi Thái học sinh đầu tiên được tổ chức. Các khoa thi Thái học sinh (như thi Tiến sĩ đời sau) là một trong những phương thức tuyển chọn nhân tài được nhà Trần thực hiện tuy không đều đặn như ghi chép trong sử cũ (7 năm một lần) nhưng số lượng các khoa thi đã gấp nhiều lần so với thời Lý. Từ khoa thi đầu tiên vào năm 1232 và đến khoa cuối cùng - năm 1393, nhà Trần đã tổ chức được 12 khoa thi Thái học sinh và một kỳ thi Đình các Tiến sĩ (6). Thông qua giáo dục Nho học

Nhà Trần đã tuyển chọn được nhiều nhân tài phục vụ đất nước.

Các loại hình trường học Nho giáo tồn tại chủ yếu ở Kinh thành Thăng Long gồm: *Trường học do nhà nước tổ chức* có Quốc tử viện, Quốc học viện. Thời gian đầu, học ở Quốc tử viện và chỉ dành cho con em các văn quan và tòng quan vào học, đến năm 1253 thành lập Quốc học viện thì cho *tất cả các nho sĩ* trong nước vào học. Nội dung học gồm Luận ngữ, Mạnh Tử, Đại học, Trung dung (Tứ thư) và Ngũ kinh gồm: Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân Thu. Theo tư liệu này thì nội dung học tập của các Nho sĩ như trên cũng khá qui củ.

Bên cạnh trường quốc lập còn có những *trường tư* như trường của Chu Văn An, trường của Chiêu Quốc vương Trần Ích Tắc. Các trường học ở Kinh thành đã thu hút nhiều nho sĩ đến học. Học trò của Chu Văn An có người đỗ đạt cao và đều giữ trọng trách trong triều đình.

Từ những thập kỷ cuối thế kỷ XIII trở đi, con đường tuyển chọn người hiền vào việc nước đã đi vào quy củ và ngày càng phát triển. Phần lớn họ là những người nhân tài nổi tiếng như: Trần Thì Kiến, Đỗ Thiên Hứ, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dữ, Phạm Mại (tức Chúc Cố, vì là học trò của Nguyễn Sĩ Cố nên kiêng húy của thầy đổi làm Mại), Phạm Ngộ (tức Chúc Kiên, vì tránh tên của phán thủ Huệ Nghĩa, đổi tên là Ngộ), Nguyễn Trung Ngạn, Lê Quát, Phạm Sư Mạnh, Lê Duy (Người xã Cổ Định, huyện Nông Cống), Trương Hán Siêu, Lê Cư Nhân. Chính sử chép là "*nhân tài đầy dẫy*..." (7). Các khoa thi lấy đỗ tiến sĩ rất nhiều. Khoa thi năm 1247: 48 người, khoa thi năm 1256: 43 người, khoa thi năm

1266: 47 người, khoa thi năm 1275: 27 người, khoa thi năm 1304: 44 người... Trong đó phải kể tới một số nhân tài như Nguyễn Trung Ngạn, Lê Văn Hưu v.v. Nguyễn Trung Ngạn từng giữ nhiều chức quan trọng, trong đó có thời kỳ ông là người đứng đầu quản lý Kinh đô Thăng Long với chức Đại Doãn Kinh sư (8). Ông cùng với Trương Hán Siêu được nhà vua giao cho biên soạn bộ *Hoàng triều đại điển* và bộ *Hình thư* vào năm 1339. Lê Văn Hưu đỗ Bảng nhãn khoa thi năm 1247. Ông là người chấp bút viết bộ sử nổi tiếng của nước ta là bộ *Đại Việt sử ký*, 30 quyển vào năm 1272. Đến cuối thời Trần, kỳ thi tiến sĩ tháng 8 năm 1400, chúng ta thấy nổi tiếng là Nguyễn Trãi. Ông sinh năm 1380, mặc dù ông chưa có điều kiện đem tài năng phục vụ triều Trần vì trước đó (tháng 3-1400) triều Trần sụp đổ, Hồ Quý Ly lên ngôi vua, thiết lập nên triều Hồ. Nhưng thời gian ông học tập để đỗ đạt lại là khoảng 20 năm cuối triều Trần. Tài năng và những cống hiến của ông đối với triều Lê Sơ mãi mãi lưu truyền sử xanh. Ngô Thì Sĩ đã nhận xét: "Xem những người đỗ về các khoa cuối đời Trần thì Nguyễn Úc Trai là nhất, văn chương mưu trí của ông đã giúp cho triều Lê buổi đầu dựng nước. Sau nữa như Lý Tử Tấn, Vũ Mộng Nguyên, Phan Phu Tiên, Nguyễn Thiên Túng, đều là văn chương cự phách một thời" (9)...

Giáo dục khoa cử của nhà nước đã tạo cơ hội cho Nho sĩ không chỉ có điều kiện thi thố tài năng, tiến thân trên con đường quan chức mà quan trọng là qua đó nhà nước tuyển chọn được người tài giỏi phục vụ đất nước. Ngô Thì Sĩ đã viết: "Thế mới biết từ Tam đại (nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu - TG) về sau chọn người giỏi bằng khoa cử thì văn nghệ không thiếu được" (10).

Đào tạo bằng thực tế công việc

Hình thức đào tạo này khá phong phú, có người là Nho sinh, có người là quý tộc, có người là Thái học sinh. Đối với Nho sinh chưa qua thi cử, nhà Trần tuyển chọn qua công việc cụ thể như trường hợp Đoàn Nhữ Hài (11). Nhưng trải qua công việc đó cũng chính là hình thức đào tạo bằng thực tế công việc. Đoàn Nhữ Hài từng làm giúp vua Trần Anh Tông bài Biểu tạ tội "*Nghĩ Anh Tông hoàng đế tạ thượng hoàng biểu*" (Thay lời vua Anh Tông làm biểu tạ Thượng hoàng) (12). Nội dung tờ Biểu chứa đựng sự am hiểu kiến thức sâu rộng và tài năng khác thường của ông. Ngay sau đó ông được vua Anh Tông trọng dụng, phong cho chức Ngự sử trung tán khi mới 20 tuổi, rồi Tham tri chính sự (năm 1303), Tri khu mật viện sự và đỉnh cao là chức Hành Khiển mà lẽ cũ là chỉ dùng hoạn quan. Tài năng nổi tiếng của Ông thể hiện trên nhiều lĩnh vực: ngoại giao, nội trị, quân sự và văn học. Trong quan hệ của nhà Trần với các nước Chiêm Thành, Ai Lao, Đoàn Nhữ Hài đã đóng góp một phần công sức quan trọng.

Trường hợp của Nguyễn Trung Ngạn cũng vậy, như trên đã nêu, sau khi thi đỗ Thái học sinh, làm quan trong triều đình nhưng vẫn có khoảng thời gian tương đối dài đi thực tế ở địa phương. Tính từ năm 1224 đến 1241, Nguyễn Trung Ngạn có tới 17 năm làm việc ở địa phương và kiêm một số công việc khác ở triều đình. Điều đó có thể thấy, nhà Trần rất coi trọng việc đào tạo quan lại bằng công việc thực tế.

Trần Hưng Đạo tuyển người làm việc dưới trướng theo "công thức" như sau: "Tài người nào có thể vượt 100 người thì làm trưởng trăm người, vượt được một nghìn người thì làm trưởng nghìn người, vượt qua nghìn người thành một Quân thì có thể đối phó cơ sự ở một mặt, có thể đảm đương sức

chống ở một mặt, đủ làm trưởng cả Quân. Quân có lúc cô, thì tướng cần có thể một mình, cho nên người khéo dùng tài thì những chức thiên tì (tức thiên tướng và tì tướng) cũng đều là đại tướng cả" (13). Và, với cách thức trên muốn thể hiện tài thì không có cách gì khác là phải trải qua công việc.

2. Trọng dụng nhân tài

Trọng dụng người thực tài là *điểm đặc biệt nổi bật* của triều Trần. Những người tài đều có cơ hội cống hiến và đều được trọng dụng. Từ quý tộc tôn thất đến nho sinh, ai có tài thì đều được triều đình trọng dụng và những việc quan trọng và cho giữ chức cao và được hưởng lộc hậu.

Như chúng ta đã biết, những quý tộc vương hầu tài giỏi đều được triều đình trọng dụng theo chế độ quyền cao, chức trọng và được duy trì theo chế độ tập ấm. Sử chép: "Tháng 2 (1236), định quan hàm các đại thần; phàm người tôn thất vào chính phủ, hoặc là thái sư, thái phó, thái bảo, thái úy, hoặc tư đồ, tả hữu tướng quốc, đều kiêm hàm kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam tì bình chương sự (14)" (15). Nhưng không phải ai là tôn thất cũng được trọng dụng. Nếu là tôn thất mà không có tài thì triều đình cũng không giao cho trọng chức. Cung Túc vương Dục, con trưởng của vua cũng không được chọn để kế tục ngai vàng vì không đủ tài đức, "là người phóng dăng quá". Bảo Hưng vương là người tôn thất được vua Trần Anh Tông rất yêu quý, nhưng không được vua ủy cho làm việc chính sự "*vì là không có tài làm được*" (16).

Trần Quốc Khang là anh vua Trần Thánh Tông và cũng là anh của Trần Quang Khải, mặc dù "Quốc Khang tuổi lớn hơn, nhưng tài đức tầm thường cho nên cho Quang Khải làm tướng" (17). Vua Trần

Thái Tông từng muốn cho anh của Trần Thủ Độ là Trần An Quốc làm tướng nhưng Trần Thủ Độ đã nói: "An Quốc là anh thần, nếu là người hiền thì thần xin nghỉ việc, nếu cho thần là hiền hơn An Quốc thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em cùng làm tướng thì việc trong triều sẽ ra sao" (18). Danh vọng và chức tước là cần nhưng triều đình dùng người là để xây dựng và bảo vệ đất nước cũng tức là bảo vệ tổ tông. Hai vấn đề này tuy hai nhưng là một. Sự cần trọng trong dùng người của nhà Trần rất được triều đình đề cao, nhất là nhân tài.

Những nhân tài nổi tiếng đương thời, danh tiếng của họ đến ngày nay vang vọng khắp non sông đất nước. Ta đã thấy Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn không chỉ là thiên tài quân sự, vị tướng cầm quân tài giỏi mà kiến thức về binh pháp của ông còn được soạn thành tập *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*. Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư chấp bút Bài tựa sách này đã ngợi ca Ông hết lời: "Phàm người giỏi cầm quân thì không cần bày trận, người giỏi bày trận thì không cần phải đánh, người giỏi đánh thì không thua, người khéo thua thì không chết... Quốc công ta bèn so sánh, kê cứu trận đồ và binh pháp của các nhà, tổng hợp lại thành một bộ sách... Quốc công lại còn thêm bớt với chiến thuật của thời Tam đại (Hạ, Thương, Chu), nhờ đó trăm trận trăm thắng. Cho nên đương thời phía Bắc làm cho Hung nô (chỉ quân Mông Cổ) phải sợ, phía Tây làm Lâm Ấp phải kinh. Rồi ông đem sách này dạy bảo con em làm gia truyền, không tiết lộ cho người ngoài biết..." (19). Trần Hưng Đạo còn là một thiên tài văn học. *Hịch tướng sĩ* và các tác phẩm của Ông là những di sản văn hóa quý giá của dân tộc. Đánh giá công lao của Trần Quốc Tuấn, Ngô Thì Sĩ đã viết: "*Tài*

văn võ đủ làm phép cho muôn nước, mà không dám cậy tài năng; Anh hùng nổi tiếng hai nước mà không dám nhận công nghiệp. Thế lực có thể lật sông núi, đuổi sấm sét, mà lúc nào cũng coi uy nhan vua ở trước mặt. Nay xem ra theo nghĩa phải mà không theo lời cha. Biết có nước mà không biết đến nhà, bẻ mũi gậy để đi theo hầu vua, giơ gươm mà kẻ tội con. Lòng trung thành sáng như mặt trời" (20).

Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật là nhà ngoại giao nổi tiếng, nhà văn hóa lớn của Đại Việt. Ông không chỉ giỏi ngoại ngữ khi giao tiếp với người nước ngoài hoặc tiếp đãi sứ thần nhà Nguyên mà kiến thức uyên bác của Ông được thể hiện qua những lần tiếp đãi đó. "Nhật Duật học qua Ngũ kinh và Chư sử, tinh thông lời huyền diệu của Đạo gia, hiểu biết âm nhạc, đời bấy giờ khen là người học thức rộng rãi, lại hiểu tiếng các nước..." (21). Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải là người học rộng tài cao, văn võ song toàn. Ông vừa là vị tướng cầm quân giỏi, vừa là một nhà ngoại giao có tài, vừa là một nhà văn hóa, nhà thơ nổi tiếng, từng soạn *Lạc Đạo tập* (nhưng nay không còn) (22). Phan Huy Chú nhận xét về Ông: "*Công lao thu phục được nước, ông đứng thứ nhất... Ông nghe rộng biết nhiều, hiểu các tiếng người nước Phiên. Mỗi khi sứ sang ta, ông được chọn vào thù tiếp. Ông rất chăm học hay làm thơ*" (23). Vua Trần Thánh Tông đã làm bài thơ: *Tặng Trần Quang Khải*, ca ngợi ông với hai câu thơ:

Nhất đại công danh thiên hạ hữu

Lưỡng triều trung hiếu thế gian vô.

(Nghĩa là: Công danh trọn một đời, thiên hạ còn có người như ông.

Tấm lòng trung hiếu đối với hai triều vua thì thế gian không ai có).

Trương Hán Siêu không chỉ nổi tiếng giỏi văn chương mà còn giỏi cả chính sự. Sự tài giỏi của ông khiến cho nhà vua không chỉ trọng dụng mà còn nể trọng. "Vua chỉ gọi là thầy chứ không gọi tên" (24). Sử thần Ngô Sĩ Liên nhận xét: "Trương Hán Siêu là kẻ văn học hơn người..." (25).

Chu Văn An là người uyên thâm Nho học, thi đỗ Thái học sinh nhưng không ra làm quan, ở nhà dạy học. Ông thành lập trường tư và là một trong không nhiều trường tư ở Kinh thành Thăng Long. Các học trò của ông nhiều người thành tài như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát. Vua Trần Minh Tông mời ông ra làm Quốc Tử Giám, dạy học cho Thái tử.

Mạc Đĩnh Chi đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Thìn (1304) và là Trạng nguyên khoa thứ 10 kể từ khoa thi đầu tiên dưới triều Lý (1075), và đến ông là Trạng nguyên thứ 8. Mạc Đĩnh Chi sống và hoạt động dưới 4 triều vua đời Trần: Trần Anh Tông (1293-1314), Trần Minh Tông (1314-1329), Trần Hiến Tông (1329-1341) và Trần Dụ Tông (1341-1369). Phẩm hạnh cao nhất về đường quan tước của ông là Nhập nội hành khiển Tả ty lang trung, chức tước cho dù không cao lắm nhưng ông lại là vị Trạng nguyên nổi tiếng thông minh tài giỏi và được công nhận là Lưỡng quốc Trạng nguyên.

Đoàn Nhữ Hài trong một lần yết kiến Thượng hoàng trong hơn một canh giờ, được Thượng hoàng khen rằng: "Nhữ Hài thực là người giỏi, được quan gia (nhà vua-TG) sai khiến là phải" (26).

Văn Huệ vương Trần Quang Triều (1286-1325) (27) là con trai cả của Hưng Nhượng vương Trần Quốc Tảng, cháu nội của Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn. Năm 1301, khi mới 14 tuổi, Trần Quang

Triều đã được triều đình phong tước vương, rồi vào làm quan trong triều. Ông là người giỏi cả văn lẫn võ. Năm 1324, dưới thời vua Trần Minh Tông, Trần Quang Triều được phong chức Nhập Nội kiểm hiệu tư đồ, một trong những chức quan đầu triều (dưới triều vua Trần Minh Tông). Ông còn là Hội chủ thi xã Bích Động và là thành viên xuất sắc của dòng thiền Trúc Lâm do vị vua anh hùng Trần Nhân Tông sáng lập.

Cũng cần thấy thêm một điều là, nhà Trần trọng dụng tất cả những người tài nên kể cả những người không phải là tôn thất, không qua thi cử nhưng vẫn được triều đình trọng dụng. Đó là những đại quan thời Lý như Phùng Tá Chu được phong Đại vương, Phạm Kính Ân làm Thái úy, ban cho mũ áo Đại vương.

Các nhân tài được triều đình trọng dụng. Sự trọng dụng đi liền với đãi ngộ. Trọng dụng là trao cho trọng trách và trọng chức. Trần Thủ Độ được phong Thái sư thống quốc hành quân vụ chinh thảo sự, là người giữ chức thái sư đầu tiên của triều Trần vào năm 1226. Quyền lực của Thái sư chỉ sau Thượng hoàng và là chức quan đứng đầu trong triều. Đến năm 1234, được thăng chức Thống quốc thái sư tri Thanh Hóa phủ sự, cai quản vùng đất quan trọng Thanh Hóa của Đại Việt. Năm 1290, sau kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên lần thứ ba thắng lợi, Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn được triều đình tiến phong là Đại vương. Chiêu Văn vương Trần Nhật Duật được phong làm Tá thánh Thái sư. Năm 1271, dưới triều vua Trần Thánh Tông, Trần Quang Khải được phong Tướng quốc Thái úy, nắm giữ việc nước năm 1271, lúc 32 tuổi (tính theo tuổi Âm lịch) (28). Sau đó, vào năm 1282, dưới triều vua Nhân Tông được thăng Thượng tướng Thái sư.

Trần Khánh Dư được vua Trần Nhân Tông khen là người vừa tài trí lại mưu lược và lập làm thiên tử nghĩa nam (con nuôi của thiên tử) và được phong chức Phiêu kỵ Thượng tướng quân, một chức chỉ dành riêng cho hoàng tử. Trần Quang Triều được phong chức Nhập Nội kiểm hiệu tư đồ, một trong những chức quan đầu triều vào năm 1324, dưới thời vua Trần Minh Tông...

Như vậy, có thể khái quát rằng, nhà Trần trọng dụng tất cả những người hiền tài, không kể họ xuất thân là quý tộc hay bình dân và không nhất thiết là cứ phải qua thi cử. Những nhân tài được đào tạo, tuyển chọn và trọng dụng là: *tôn thất, những người đỗ đạt qua khoa cử, những*

nho sinh và những quan lại cũ của triều Lý.

Trọng dụng người tài vào việc nước được nhà Trần thực hiện nghiêm túc, công bằng nên những nhân tài triều Trần đều được thể hiện tài năng trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa, ngoại giao. Và, ta thấy rằng, thực trạng đào tạo, trọng dụng nhân tài nổi bật của triều Trần là *nhằm trọng dụng người thực tài vào việc nước không câu nệ vào một phương thức tuyển dụng nào.* Điều đó phản ánh cách thức tuyển dụng nhân tài thời Trần cốt đề cao thực tài (29). Không giống như thời Lê, Nguyễn về sau, tuyển chọn quan lại, nhân tài qua thi cử Nho học là chính.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971, tr. 14, 43.

(2). Theo Hà Văn Tấn - Phạm Thị Tâm trong: *Cuộc kháng chiến chống xâm lược Nguyên - Mông thế kỷ XIII*, In lần thứ tư, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 159 cho rằng chỉ có một nghìn quân và không phải là năm 1281 mà là 1282: "Sau việc lập An Nam tuyên úy ty và sai một nghìn quân đưa Trần Di Ái về nước năm 1282..."

(3), (5), (7). *ĐVSKTT*, tập II, sdd, tr. 51, 8, 147.

(4). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phần *Khoa mục chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 149.

(6). Trong bài: *Vài nét về giáo dục khoa cử thời Lý Trần*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 2-1977, tr. 28, tác giả Nguyễn Danh Phiệt có dẫn lại tư liệu của Nguyễn Hoãn, tác gia thế kỷ XVIII trong *Đại Việt lịch triều đăng khoa lục* về các khoa thi Tiến sĩ và người đỗ Tiến sĩ thời Lý và Trần như

sau: Thời Lý là 3 khoa - 22 người đỗ, thời Trần là 10 khoa - 273 người đỗ, biệt lục và bổ di thời Lý 1 khoa - 5 người đỗ, thời Trần 4 khoa - 9 người đỗ, tổng cộng thời Lý 4 khoa - 27 người đỗ, thời Trần 14 khoa - 282 người đỗ. Nhưng theo thống kê của tôi trong *ĐVSKTT* thì thời Trần có 12 khoa thi Thái học và 01 khoa thi Đình các Tiến sĩ. Theo tư liệu cho biết thì thi Đình là để chọn ra Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa như ghi chép trong *ĐVSKTT*, tập II, sdd, tr. 183 về Khoa thi Đình năm 1374: "Thi đình các tiến sĩ, cho Đào Sư Tích đỗ Trạng nguyên, Lê Hiến Phủ đỗ Bảng nhãn, Trần Đình Thâm đỗ Thám hoa, cho bọn La Tu đỗ Hoàng giáp cập đệ và đồng cập đệ; đều cho ăn yến và áo xấp, cho xuất thân theo thứ bậc khác nhau. Dẫn ba người đỗ đầu đi chơi phố 3 ngày. Theo lệ cũ, Thái học sinh 7 năm một lần thi, lấy 30 người đỗ mà thôi. Thi Trạng nguyên thì không có định lệ nhưng thuộc quan ở tam quán, thái học sinh, thị thân học sinh, tướng phủ học sinh và người có tước phẩm đều được vào thi cả". Đây là khoa thi Đình có

nhiều đối tượng dự thi trong đó có cả tiến sĩ (thái học sinh) nên tôi không xếp vào khoa thi Thái học sinh.

(8). Nguyễn Trung Ngạn, danh nhân thời Trần, người một thời đứng đầu Kinh sư Thăng Long và có nhiều đóng góp cho Thăng Long nhưng hiện nay đường Nguyễn Trung Ngạn lại chỉ là một ngõ nhỏ của phố Nguyễn Công Trứ, rất ngắn, khoảng vài chục mét, không tương xứng với đóng góp của Ông.

(9), (10). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, Phần Khoa mục chí, sdd, tr. 154, 154.

(11). Trong cuốn: *Khảo lược về kinh nghiệm phát triển đào tạo và sử dụng nhân tài trong lịch sử Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005, chương III: *Việc đào tạo và sử dụng nhân tài trong buổi đầu xây dựng nhà nước quân chủ độc lập từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, ở trang 55, đã viết: "... có nhiều nhân tài nổi bật xuất thân khoa cử như Phùng Khắc Khoan, Phạm Sư Mạnh, Lê Văn Hưu, Mạc Đĩnh Chi, Đoàn Nhữ Hài...", theo tôi, Phùng Khắc Khoan là nhân tài nhưng không phải ở các thế kỷ X-XIV. Đoàn Nhữ Hài cũng là nhân tài nhưng chưa hề đỗ đạt qua khoa cử.

(12). *Thơ văn Lý- Trần*, tập II, quyển Thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989, tr. 726-727.

(13). *Bình thư yếu lược*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 86.

(14). Các tôn thất vào chính phủ đều gia thêm hàm kiểm hiệu đặc tiến nghi đồng tam ti bình chương sự.

(15), (16), (17), (18). *ĐVSKTT*, tập II, sdd, tr. 14, 100, 34, 36-37.

(19). *ĐVSKTT*, tập II, sdd, tr. 94-95; *Thơ văn Lý-Trần*, tập II, quyển Thượng, sdd, tr. 600.

(20). Ngô Thì Sĩ: *Việt sử tiêu án*, quyển 3, Bản đánh máy của Viện Sử học.

(21), (25), (26), (28). *ĐVSKTT*, tập II, sdd, tr. 139, 177, 98, 41.

(22). Những tác phẩm của ông hiện còn là: *Tụng giá hoàn Kinh sư* (Phò giá về Kinh); *Tổng Bắc sứ Sài Trang Khanh* (Tiễn sứ Bắc Sài Trang Khanh); *Tặng Bắc sứ Sài Trang Khanh*, *Lý Chấn Văn dâng* (Tặng sứ Bắc Sài Trang Khanh, Lý Chấn Văn); *Đề Bạch Mã từ* (Đề đền Bạch Mã); *Đề dã thự* (Đề thơ ở biệt thự đồng quê); *Lưu Gia độ* (Bến đò Lưu Gia); *Xuân nhật hữu cảm* (Cảm hứng ngày xuân) và *Phúc Hưng viên* (Vườn Phúc Hưng).

(23). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 223.

(24). Phan Huy Chú: *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, mục *Nhân vật chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1992, tr. 227.

(27). Trần Quang Triều còn có tên là Nguyễn Đạo và Nguyễn Thụ, hiệu là Cúc Đường chủ nhân và Vô Sơn Ông.

(29). Xem thêm: Nguyễn Thị Phương Chi: *Phương thức tuyển dụng quan lại thời Trần*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7-2006, tr. 19-26.